

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 19/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH T

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Hội thẩm nhân dân: Ông Lâu Văn P và Bà Phan Thị M.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết M, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Phạm viết T - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 29/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HS ngày 29/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/HSST-QĐ ngày 12/01/2022, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn C, sinh năm 1984. trú tại: Bản T xã T, huyện M, tỉnh T. Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Con ông: Hoàng Văn B, sinh năm 1957. Con bà: Lộc Thị X, sinh năm: 1958. Vợ: Lộc Thị P, sinh năm: 1996. Có hai người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020.

2. Ngân Văn S, sinh năm 1985. Trú tại: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh T. Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Con ông: Ngân Văn M (Đã chết). Con bà: Hoàng Thị Y, sinh năm: 1964. Có 02 người vợ, vợ thứ nhất là Hà Thị S, sinh năm 1980 (Đã ly hôn), vợ thứ 2: Lê Thị S, sinh năm: 1986. Có hai người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008, hiện nay mẹ, vợ và các con bị cáo đang trú tại: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh T.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ ngày 21/8/2021, ngày 27/8/2021 bắt tạm giam. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lê Thị S, sinh năm: 1986. Trú tại: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh T.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 21/8/2021, các bị cáo rủ nhau đến bản C, xã N, huyện M để tìm mua ma túy sử dụng, khi đi mỗi người điều khiển một xe máy, gần đến khu K thuộc bản T, T thì C dựng xe máy của mình ven đường và sang ngồi cùng xe với S, đến nơi, C và S đi vào một nhà dân ở phía tả ly đường, gặp một người đàn ông người Mông, không biết tên tuổi, C hỏi có ma túy bán không? thì người này trả lời là có, C đưa 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), S đưa 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) cho người đàn ông này và người này đưa cho C một túi nilon màu đen trong có 25 (*hai mươi năm*) viên hồng phiến và cục Heroine; đưa cho S một túi nilon màu đen trong chứa 10 (*mười*) viên hồng phiến và cục Heroine. C và S nhận ma túy rồi về được một đoạn thì đi vào bụi cây ven đường lấy 03 (*ba*) viên hồng phiến của C ra sử dụng bằng hình thức hít, sử dụng xong, C lấy cục Heroine vừa mua được chia thành 06 (*sáu*) gói nhỏ và gói cùng với số hồng phiến của mình thành hai gói nilon màu đen khác nhau, gói nilon màu đen thứ nhất có 01 (*một*) viên hồng phiến và 02 (*hai*) gói nilon chứa Heroine và gói màu đen thứ hai có 21 (*hai mươi một*) viên hồng phiến và 04 (*bốn*) cục Heroine, C cất gói thứ nhất vào túi quần đùi bên trái của mình, còn gói thứ hai thì đưa cho S gói chung với số ma túy của Sùng trong một gói nilon màu hồng và nhờ Sùng cầm về nhà, khi nào đến nhà Chuẩn mới lấy lại phần ma túy của mình. Sau đó, S cầm gói nilon màu đen chứa ma túy của Sùng và Chuẩn trên tay trái và điều khiển xe máy BKS 36H1 - 051.82 chở theo C đi về, khi đến khu K thuộc bản T, T, M thì bị tổ công tác của Đoàn Biên phòng T dừng xe kiểm tra, thấy tổ công tác S đã ném số ma túy đang cầm trên tay trái xuống đường để phi tang nhưng bị tổ công tác phát hiện, yêu cầu S nhặt lên kiểm tra, phát hiện, thu giữ số ma túy S vừa ném, tiếp tục kiểm tra người C thì phát hiện, thu giữ số ma túy C cất giấu trong túi quần đùi bên trái 01(*một*) túi nilon màu đen bên trong có chứa 02(*hai*) cục Heroine và 01(*một*) viên hồng phiến. Tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang và đưa C, S cùng tang vật về Đoàn Biên phòng T để làm việc.

Tại Bản kết luận giám định số 2686/PC09 ngày 24/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận như sau:

- 21 (*hai một*) viên nén hình trụ tròn màu hồng trên bề mặt các viên có ký hiệu “WY” đựng trong túi nilon màu đen đánh số 1 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,121g (*hai phẩy một hai một gam*) loại: *Methamphetamine*.(Hoàng Văn C)

- 04 (*bốn*) cục chất bột màu trắng đựng trong túi nilon màu đen đánh số 1 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,232g (*không phẩy hai ba hai gam*) loại: *Heroine*.(Hoàng Văn Chuẩn)

- 01 (*một*) viên nén hình trụ tròn màu hồng trên bề mặt có ký hiệu “WY” đựng trong túi nilon màu đen đánh số 2 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma

túy, có tổng khối lượng 0,095g (không thấy không chín năm gam) loại: Methamphetamine.(Hoàng Văn C)

- 02 (hai) cục chất bột màu trắng đựng trong túi nilon màu đen đánh số 2 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,132g (một thấy một ba hai gam) loại: Heroine.(Hoàng Văn Chuẩn)

- 10 (mười) viên nén hình trụ tròn màu hồng trên bề mặt có ký hiệu “WY” đựng trong túi nilon màu đen đánh số 3 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,988g (không thấy chín tám tám gam) loại: Methamphetamine.(Ngân Văn Sùng)

- 01 (một) cục chất bột màu trắng đựng trong túi nilon màu đen đánh số 3 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,349g (không thấy ba bốn chín gam) loại: Heroine. (Ngân Văn S)

Bị cáo **Hoàng Văn C** tàng trữ 2,216g Methamphetamine và 1,364g Heroin, tổng số ma túy là **3,580g**; Bị cáo **Ngân Văn S** tàng trữ 3,119g Methamphetamine và 0,581g Heroin, tổng số ma túy là **3,637g**.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số:01/CT-VKS-ML ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Các bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do không kìm chế được bản thân nên đã cố tình phạm tội. Các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS;

Về hình phạt:

Hình phạt chính: Xử phạt các bị cáo: **Hoàng Văn C** và **Ngân Văn S** , mỗi bị cáo từ 36 đến 39 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 2 bị cáo, vì các bị cáo làm trông trọt, thu nhập thấp nên không có tính khả thi.

Về vật chứng:

- Số ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước Việt nam cấm lưu hành, tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Con dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 34cm (*Ba mươi tư centimet*).

- Xe máy bị cáo S sử dụng đi mua ma túy, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại xe cho chị Lê Thị S là vợ của Ngân Văn S theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS không đề nghị gì.

Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa vắng mặt, có bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo. Đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, tạo điều kiện để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích và đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, đồng thời miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không có bị cáo nào thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện M, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ. Đủ cơ sở khẳng định: **Hoàng Văn C** tàng trữ tổng số ma túy là **3,580g**; **Ngân Văn S** tàng trữ tổng số ma túy là **3,637g** gồm 02 loại chất ma túy là Methamphetamine và Heroin, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó, ma túy là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo đều là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm skhoản 1 Điều 51 BLHS.

Với các tình tiết này HĐXX xem xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4]. Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo làm nghề trồng trọt thu nhập không ổn định, đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Xét đồng phạm trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều nghiện ma túy nên rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng, không bàn bạc, phân công vai trò hay đóng góp tiền. Bị cáo C là người chủ động rủ bị cáo S đi mua ma túy, lượng ma túy bị cáo S tàng trữ nhiều hơn bị cáo C nên HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt cho phù hợp.

[6]. Xét về vật chứng trong vụ án:

Số ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

Con dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 34cm (*Ba mươi tư centimet*). Tại phiên tòa, bị cáo khai không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Tang vật của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện M, tỉnh T.

Xe máy thu giữ của bị cáo S là tài sản hợp pháp của vợ, chồng bị cáo S. Tại phiên Tòa, chị Lê Thị S khai: Khi bị cáo lấy xe đi có cầm thêm con dao và nói là đi chặt chuối cho lợn nên chị S không biết bị cáo đã dùng xe đi mua ma túy. Chị khẳng định đã nhận được xe máy, không bị hư hỏng và không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[7]. Xét về phần án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8]. Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông người Mông đã bán ma túy cho hai bị cáo: Theo lời khai của các bị cáo, đó là người đàn ông dân tộc Mông, các bị cáo đều không biết tên tuổi, địa chỉ, mới gặp lần đầu, không nhớ đặc điểm người này. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát sẽ tiếp tục điều tra xác minh, khi làm rõ sẽ xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật:

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS;

Căn cứ: Điều 260; Khoản 2 Điều 106; Điều 135, Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn Cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về tội danh:

Tuyên: Các bị cáo Hoàng Văn C và Ngân Văn S phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Về hình phạt:

- Hình phạt chính, xử phạt:

Bị cáo **Hoàng Văn C** **39** (*Ba chín*) tháng tù.

Bị cáo **Ngân Văn S** **39** (*Ba chín*) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của cả hai bị cáo được tính từ ngày tạm giam (21/8/2021).

-Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về tang vật:

-Tịch thu tiêu hủy: Phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Mặt trước ghi vụ: Hoàng Văn C và Ngân Văn S ; Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ , Lâm Tiến D và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T đóng giáp lai. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn và con dao nhọn, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng gỗ, có tổng chiều dài là 34cm (Ba mươi tư centimet).

Vật chứng kể trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M , tỉnh T , theo Quyết định chuyển vật chứng số:01/QĐ-VKS-ML, ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao nhận vật chứng số: 12/NK2022 ngày 29/11/2021 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M , tỉnh T .

Về án phí: Các bị cáo được miễn tiền án phí HSST.

Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai, có mặt các bị cáo bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; vắng mặt người bào chữa cho các bị cáo. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh T ;
- Sở Tư pháp tỉnh T ;
- VKS nhân dân H.M ;
- VKS nhân dân tỉnh T ;
- CQĐT Công an H. M ;
- CQ THAHS - CA huyện M ;
- Chi cục THADS huyện M ;
- UBND xã Hiền Kiệt, huyện Q ;
- Các bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Ngô Thị T

